

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST

Ngày 09 - 4- 2025

“V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngu

Ông Thạch Văn Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 và ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2024/TLST-LĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-LĐ ngày 14 ngày 02 tháng 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: Số A đường S, Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ hiện tại: Chưa có số nhà, Hẻm K đường S, Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Một Thành Viên Q1

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là: Ông Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1965

Trụ sở: Đường N, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh S

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh S là: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số B đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (ông H1 vắng mặt, nhưng ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2024 của nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng H và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều trình bày:*

Nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng H làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, nguyên đơn có ký một Hợp đồng lao động ngày 01/10/2018 đến ngày 01/12/2021 và Công ty TNHH K có nhu cầu phát triển kinh doanh nên Chủ doanh nghiệp có mở thêm Công ty TNHH một thành viên Q1 (viết tắt là Công ty Q1) tại đường N, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên bà chuyển sang Công ty Q1 và Bảo hiểm xã hội được nối tiếp BHXH số: 9421439442 từ ngày 01/12/2021 đến ngày 03/02/2024. Trong quá trình làm việc nguyên đơn Huế có ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm xã hội số: 9421439442 khi làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1, bà vẫn bị công ty trừ tiền Bảo hiểm xã hội hàng tháng và cho đến khi kết thúc hợp đồng lao động, bà nhận được Quyết định nghỉ việc, bà có đi chốt Bảo hiểm xã hội một lần nhưng không được vì Công ty chưa đóng đủ tiền Bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2024. Bà có làm đơn kiến nghị đến Sở L nhờ xem xét và Sở L có mời các bên lên dự nhưng không hòa giải được và cho đến nay Công ty Q1 vẫn chưa đóng đủ tiền Bảo hiểm xã hội cho bà.

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 phải thanh toán đủ số tiền Bảo hiểm xã hội còn thiếu của bà H là 25 tháng từ ngày 01/12/2021 đến ngày 03/02/2024 với số tiền là 35.466.518 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 phải thanh toán đủ số tiền Bảo hiểm xã hội còn thiếu của bà H là 24 tháng, tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2024 với số tiền là 29.600.000 đồng.

* Tòa án nhân dân huyện CTR, tỉnh ST đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng H tại Thông báo thụ lý vụ án

số: 02/TB-TLVA, ngày 30 tháng 10 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1, cũng như đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Nhưng bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà H và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại Đơn đề nghị giải quyết hợp và xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Bảo hiểm xã hội tỉnh S là ông Nguyễn Văn H1 đều trình bày: Ông H1 đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa sơ thẩm có nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng H. Lý do, bận nhiều công việc.

Các tài liệu, chứng cứ kèm theo gồm: Tạm tính số phải đóng xác nhận chốt BHXH của đơn vị nợ tháng chốt số: Tháng 11/2024 (Bản chính); Chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN Tháng 11/2024 (Bản chính).

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn H và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng là ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt, nhưng ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt là đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội là 25 tháng từ ngày 01/12/2021 đến ngày 03/02/2024 với số tiền là 35.466.518 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn H chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh

toán tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2024 với số tiền là 29.600.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, về việc yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2024 với số tiền là 29.600.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp được bản sao y các tài liệu, chứng cứ sau: Sổ Bảo hiểm xã hội mã số 9421439442 đối với Nguyễn Hồng H; Bản ghi quá trình đóng BHXH, BHYT mã số: 9421439442 đối với Nguyễn Hồng H; Hợp đồng lao động số 24/HĐLD/QNL ngày 01/12/2021; Văn bản số 01/QĐN.T2.24 ngày 03/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Q2. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp các quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 có trụ sở chính tại Đường N, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Bảo hiểm Xã hội (bao gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế)” và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty Q1 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Riêng người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Sóc Trăng là ông Nguyễn Văn H1 tuy vắng mặt, nhưng ông H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn Huế yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và ông H1 theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty Q1 phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội là 25 tháng từ ngày 01/12/2021 đến ngày 03/02/2024 với số

tiền là 35.466.518 đồng, tại phiên toà nguyên đơn H chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2024 với số tiền bảo hiểm xã hội là 29.600.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định:

[4.1]. Bà Nguyễn Hồng H với Công ty Q1 có phát sinh quan hệ lao động, theo đó bà H là nhân viên Ban điều hành của Công ty Q1. Do đó, quan hệ lao động giữa bà H và Công ty Q1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động, nên bà H và Công ty phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật Bảo hiểm Xã hội với mục đích nhằm đảm bảo cho người lao động là bà H được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội khi làm việc cũng như khi nghỉ việc tại công ty theo quy định tại Điều 4 của Luật Bảo hiểm Xã hội, gồm các loại quỹ bảo hiểm: bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản), tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Lao Động; Điều 19, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế; Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57 và Điều 58 của Luật Việc làm; Điều 41, Điều 43 và Điều 44 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

[4.2]. Theo các tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cung cấp thể hiện: Bà H có đăng ký sổ bảo hiểm xã hội với mã số 9421439442, quá trình đóng bảo hiểm thì hàng tháng Công ty đều nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà H vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội tỉnh S. Tuy nhiên, Công ty đã chậm đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024 với tổng số tiền là 29.600.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 23.1250.000 đồng, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 1462.500 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 1.850.000 đồng và bảo hiểm y tế là 4.162.500 đồng.

[4.3]. Mặt khác, thực tế Công ty hàng tháng đều đã trích tiền lương của bà H để nộp bảo hiểm xã hội nhưng lại không nộp bảo hiểm lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội mà cụ thể là Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho bà H từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024 là vi phạm pháp luật về bảo hiểm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H. Căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: *“Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.”* Căn cứ vào Khoản

3 Điều 48 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: “*Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động*”. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 18 của Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định: “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.*” Như vậy, ngoài việc Công ty phải có nghĩa vụ hoàn thành việc nộp bảo hiểm xã hội vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho bà Nguyễn Hồng H, Công ty còn phải chịu tiền lãi chậm đóng tiền bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.

Theo các tình tiết tại [4.1] đến [4.3] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H, buộc bị đơn phải thanh toán tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2024 với số tiền bảo hiểm xã hội là 29.600.000 đồng.

[5] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Về án phí: Nguyên đơn H không phải chịu án phí và bị đơn phải chịu án phí tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, điểm d Khoản 1 Điều 32, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 95, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 4, Điều 6, Điều 7, Khoản 3 Điều 48, Điều 168 của Bộ luật lao động; Điều 3, Điều 4, Điều 19, Khoản 5 Điều 21, Điều 85, Điều 86 Khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 12, Điều 13, Điều 15 và Điều 19 của Luật Bảo hiểm y tế; Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57, Điều 58 của Luật việc làm; Điều 41, Điều 43, Điều 44 của Luật An toàn, vệ sinh Lao động; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Nguyễn Hồng H:

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội (bao gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế) vào quỹ bảo hiểm xã hội của đơn vị thu là Bảo hiểm xã hội tỉnh S cho bà Nguyễn Hồng H có sổ Bảo hiểm xã hội mã số 9421439442 từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2024, với số tiền là 29.600.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 23.125.000 đồng, bảo hiểm y tế là 4.162.500 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 1.850.000 đồng; tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 462.500 đồng.

Công ty Q1 còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng. Số tiền lãi cụ thể phải đóng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 do Bảo hiểm Xã hội tỉnh S thu tại thời điểm Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 để làm thủ tục xác nhận (chốt sổ) thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Hồng H.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 phải chịu án phí là 888.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND H. CT;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. CT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ